

DANH MỤC GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TÀI LIỆU CỦA KHO CHỨA NỒI, GIÀN DI ĐỘNG

PHỤ LỤC II

Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

PHẦN I. DANH MỤC GIẤY CHỨNG NHẬN

TT	Giấy chứng nhận	Căn cứ	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký	Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
2	Giấy chứng nhận phân cấp	- QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
3	Giấy chứng nhận dung tích quốc tế	Điều 7 Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969 (Công ước TONNAGE 69)	
4	Giấy chứng nhận mạn khô quốc tế	Điều 16 Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển, 1966 (Công ước LL 66)	
5	Giấy chứng nhận miễn giảm mạn khô quốc tế	Điều 16 Công ước LL 66	
6	Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do dầu gây ra	Quy định 7 Phụ lục I Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra, 1973/1978 (Công ước MARPOL 73/78)	
7	Giấy chứng nhận an toàn giàn khoan di động trên biển	Điều 1.6, Bộ luật chế tạo và trang bị cho các giàn khoan di động trên biển (Bộ luật MODU)	Giấy chứng nhận này cũng được cấp cho kho chứa nôi
8	Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải	Quy định 5 Phụ lục IV Công ước MARPOL 73/78	
9	Giấy chứng nhận quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm không khí	Quy định 6 Phụ lục VI Công ước MARPOL 73/78	
10	Giấy chứng nhận quốc tế ngăn ngừa ô nhiễm không khí của động cơ	Quy định 13 Phụ lục VI Công ước MARPOL 73/78	

11	Giấy chứng nhận thiết bị nâng, bình chịu áp lực, nồi hơi	- QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
12	Giấy chứng nhận quản lý an toàn	QCVN 71:2013/BGTVT	
13	Giấy chứng nhận phù hợp (bản sao)	QCVN 71:2013/BGTVT	
14	Giấy chứng nhận xử lý vệ sinh hoặc Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh	- Bộ luật về sức khỏe quốc tế 2005 - Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới	
15	Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu	- Quy định 11.10 Bộ luật MODU - Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
16	Giấy chứng nhận quốc tế về hệ thống chống hà	Điều 10 Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu	
17	Giấy chứng nhận phù hợp thiết bị LRIT	Điều 4 Quyết định số 62/2014/QĐ-CP ngày 06/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quy chế quản lý, khai thác sử dụng thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa	Chỉ áp dụng đối với giàn khoan di động tự hành

PHẦN II. DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Tài liệu	Căn cứ	Ghi chú
A. Giấy phép			
1	Giấy phép đài tàu biển	Luật Tần số vô tuyến điện	
B. Các loại nhật ký và sổ			
1	Hồ sơ chế tạo	Quy định 2.13 Bộ luật MODU	
2	Sổ tay vận hành	Quy định 14.1 Bộ luật MODU	
3	Sổ tay tiếp cận	Quy định 2.2.3 Bộ luật MODU	Sổ tay này có thể lập riêng hoặc tích hợp trong sổ tay vận hành; Không áp dụng cho các giàn khoan di động áp dụng Bộ luật MODU 1979 hoặc 1989.
4	Nhật ký hàng hải	- Quy định 14.14 Bộ luật MODU - Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
5	Nhật ký máy	- Quy định 11.10 Bộ luật MODU - Bộ luật Hàng hải Việt Nam	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành
6	Nhật ký dầu Phần I	Quy định 17 Phụ lục I Công ước MARPOL 73/78	
7	Nhật ký vô tuyến điện	Quy định 11.3 Bộ luật MODU	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành
8	Nhật ký huấn luyện và thực tập cứu sinh	- Quy định 14.14 Bộ luật MODU - Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
9	Nhật ký huấn luyện và thực tập cứu hỏa	- Quy Định 14.14 Bộ luật MODU	

		- Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
10	Bảng chỉ dẫn về rác thải	Quy định 10 Phụ lục V Công ước MARPOL	
11	Kế hoạch quản lý rác thải	Quy định 10 Phụ lục V Công ước MARPOL	
12	Nhật ký rác thải	Quy định 10 Phụ lục V Công ước MARPOL	
13	Sổ đăng ký thiết bị nâng	- QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
14	Sổ đăng ký thiết bị áp lực	- QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
15	Sổ đăng ký nồi hơi	- QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
C. Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn			
1	Sơ đồ kiểm soát cháy	- Quy định 9.18 Bộ luật MODU - QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
2	Bản phân công nhiệm vụ trong các tình huống khẩn cấp	- Quy định 14.9 Bộ luật MODU - Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
3	Sổ tay hướng dẫn xếp hàng	- Quy định 10 Công ước LL 66 - QCVN 48:2012/BGTVT - QCVN 70:2014/BGTVT	
4	Sổ tay huấn luyện an toàn phòng chống cháy	Quy định 14.11 Bộ luật MODU	
5	Sổ tay hướng dẫn thực hiện an toàn phòng chống cháy	Quy định 14.11 Bộ luật MODU	

6	Sổ tay huấn luyện cứu sinh	Quy định 14.11 Bộ luật MODU	
7	Bản Kế hoạch và hướng dẫn bảo dưỡng trang bị cứu sinh	Quy định 10.18 Bộ luật MODU	
8	Bản Kế hoạch và hướng dẫn bảo dưỡng trang bị cứu hỏa	Quy định 9.19 Bộ luật MODU	
9	Bản Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu (SOPEP)	Phụ lục I Công ước MARPOL 73/78	
10	Tài liệu về độ lệch la bàn từ	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành
11	Báo cáo bảo dưỡng thiết bị định vị vị trí tai nạn qua vệ tinh	Quy định 11.9 Bộ luật MODU	
12	Sổ tay hệ thống quản lý an toàn	- Điều 11 Bộ luật Quốc tế về quản lý an toàn (Bộ luật ISM) - QCVN 71:2013/BGTVT	
13	Báo cáo bảo dưỡng thiết bị nhận dạng tự động (AIS)	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành
14	Hợp đồng bảo dưỡng trên bờ các thiết bị vô tuyến điện	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành áp dụng hình thức bảo dưỡng trên bờ
15	Sổ nhật ký các chất làm suy giảm tầng ô zôn	Quy định 12 Phụ lục VI MARPOL	Áp dụng với kho chứa nổi và giàn di động có hoạt động quốc tế
16	Sổ tay vận hành lò đốt chất thải	Quy định 16 Phụ lục VI MARPOL	Áp dụng với kho chứa nổi và giàn di động có hoạt động quốc tế
D. Các ấn phẩm			
1	Hải đồ và các ấn phẩm như: hướng dẫn đi biển, danh mục đèn biển, thông báo cho người đi biển, bảng	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Chỉ áp dụng cho kho chứa nổi và giàn di động tự hành

	thủy triều và các ấn phẩm hàng hải khác cần thiết cho chuyến đi biển		
2	Sổ tay tìm cứu hàng không, hàng hải quốc tế tập III (Sổ tay IAMSAR III)	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Yêu cầu ấn phẩm mới nhất
3	Bộ luật mã hiệu quốc tế	Quy định 11.10 Bộ luật MODU	Yêu cầu trang bị ấn phẩm mới nhất

1 Giấy chứng nhận cấp cho các tàu hoạt động tuyến quốc tế cũng được sử dụng khi tàu không hoạt động tuyến quốc tế.

2 *Tàu lớn* là tàu phải được đăng ký vào sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam theo quy định tại Điều 19 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam có động cơ với tổng công suất máy chính từ 75 kilôwatt (kW) trở lên hoặc từ 50 GT trở lên hoặc có trọng tải từ 100 tấn trở lên hoặc có chiều dài đường nước thiết kế từ 20 m trở lên.

3 *Tàu nhỏ* không phải là tàu lớn.